TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thế Phương Nam.

2. Bà Lê Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(*Bà N có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ N trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên bà và ông Đ đi đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84, quyển số 01/2009. Sống chung đến khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường xuyên ăn chơi, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi

vã. Mặc dù đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Bà và ông Đ đã ly thân từ khoảng từ ngày 20/12/2024 đến nay.

Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phan Thị Mỹ N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 27/3/2010 và Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 28/10/2011, hiện 02 con chung đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa ra vụ án xét xử.

Chứng cứ mà bà Phan Thị Mỹ N cung cấp trong vụ án là: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; 02 bản sao giấy khai sinh con chung; Đơn xin xác nhận cư trú; Bản photo căn cước công dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ. Ông Nguyễn Thành Đ cư trú tại ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị Mỹ N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại văn bản xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Mỹ Thạnh xác nhận ông Nguyễn Thành Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Đ, ông Đ đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N và ông Đ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của bà N, thấy rằng: Bà N và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2009 ngày 24/12/2009 nên hôn nhân của bà N và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường xuyên ăn chơi, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà N cũng đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không Đ. Bà N và ông Đ đã ly thân từ ngày 20/12/2024 đến nay. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng với ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phan Thị Mỹ N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ. Về phía ông Đ, từ khi bà N nộp đơn khởi kiện đến nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N nhưng ông Đ cũng không có ý kiến gì, liên tiếp vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho thấy ông Đ không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và gìn giữ cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà bà N đã trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà N trình bày bà và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 27/3/2010 và Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 28/10/2011, hiện 02 con chung đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3.1] Xét thấy, các con chung tên Thành V và Thúy K hiện đang sống với bà N, cuộc sống đã ổn định, các cháu Thành V và Thúy K vẫn phát triển bình thường và có nguyện vọng ở với bà N khi cha mẹ ly hôn, bà N có khả năng chăm sóc con chung tốt. Ông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu nuôi con của bà N nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung tên Nguyễn Thành V và Nguyễn Thị Thúy K cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.2] Về phần cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thể hiện việc bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng 02 nuôi con chung nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Mặt khác, yêu cầu cấp dưỡng của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Mỹ N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Trong vụ án này, bà N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cho đến nay, ông Đ không có ý kiến về phần tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Cho đến nay không có ai khởi kiện về việc nợ chung của bà N, ông Đ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ N về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông Nguyễn Thành Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Mỹ N được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thành V, sinh ngày 27/3/2010 và Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 28/10/2011. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thành Đ có quyền và nghĩa vụ tới thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi có yêu cầu một hoặc hai bên đương sự Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009578 ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Bà Phan Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Mỹ Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Quân